

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 110/2019/HS-ST
Ngày: 09 - 10 - 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập.

Bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử - Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2019/TLST - HS, ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1976 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ a, khu b, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ là Đặng Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Ngày 08/5/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, tiền sự: Không; bị bắt quả tang ngày 13/7/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố U, có mặt.

*** Những người chứng kiến:**

- Ông Phạm Văn V, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Tổ ab, khu P, p.Y, U, Quảng Ninh, vắng mặt

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ c, khu d, phường T, thành phố U, Quảng Ninh, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 13 tháng 7 năm 2019, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố U phối hợp cùng với Công an phường Yên Thanh làm nhiệm vụ tại tổ a, khu b, phường Y, thành phố U phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn Q có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm, bên trong có chất tinh thể màu trắng, Q dùng tay trái thả xuống nền đất cách vị trí Q đứng 20cm. Ngoài ra, còn thu của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen cùng sim điện thoại 0345.990.776 và số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kết luận giám định số 652 ngày 15/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: vật chứng gửi giám định (chất tinh thể màu trắng thu của Q) là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,468 gam.

Tại bản cáo trạng 115/CT-VKSUB ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn Q khai nhận: Khoảng 11h ngày 13/07/2019, Quảng đang ở nhà (tổ a khu b, phường Y) thì nảy sinh ý định mua ma túy về để sử dụng. Q đi bộ đến nhà người tên N, thường gọi là “N Nội” (khu đường tàu, phường T, U), mua của người này một túi ma túy dạng đá với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), rồi mang số ma túy này về nhà sử dụng một ít. Khoảng 16h15 phút, cùng ngày Q mang túi ma túy đá còn lại đến ngõ cạnh chợ Y (thuộc tổ a, khu b, phường Y, thành phố U) mục đích sử dụng tiếp thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ.

Người chứng kiến là ông Phạm Văn V, anh Phạm Văn H có lời khai phù hợp với nội dung của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Q về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 56 ngày 08/5/2018 của TAND thành phố U. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, thời hạn tù tính từ ngày bắt 13/7/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy ma túy loại methamphetamine, hoàn lại sau giám định. Trả lại cho bị cáo số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng:* của Cơ quan điều tra Công an thành phố thành phố U, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố không có khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố thành phố U, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, Kiểm sát viên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều khoản áp dụng:* Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người chứng kiến là ông Phạm Văn V, anh Phạm Văn H; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định. Những chứng cứ trên đã làm rõ thực tế khách quan về thời gian, địa điểm cũng như quá trình thực hiện tội phạm của bị cáo. Nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 13/7/2019, tại tổ a, khu b, phường Y, thành phố U, Nguyễn Văn Q có hành vi tàng trữ trái phép 0,468 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố U đã truy tố và kết luận về hành vi đối với bị cáo Q là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 08/5/2018, bị cáo Q bị Tòa án nhân dân thành phố U xử phạt xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Do trong thời gian thử thách của bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Q lại phạm tội mới, nên HĐXX tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù của Bản án số 56 ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố U với hình phạt của bản án này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự bị cáo Q còn có thể bị phạt một khoản tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ sung Ngân sách Nhà nước, xét thấy bị cáo không có thu nhập, đang bị tạm giam nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:*

- 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 652/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ninh - đây là chất Nhà nước cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số 0345.990.776 là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo Q (chị Đặng Thị H là vợ của bị cáo Q nhận thay) phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập xử lý.

- Về số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Q đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] *Về các vấn đề khác:*

Đối với người đàn ông tên N bán ma túy cho Q tại phường T, thành phố Uông Bí, quá trình điều tra xác định là Đinh Đức Năng trú tại tổ e, khu f, phường T, thành phố U hiện tại không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên HĐXX không đề cập xử lý

[7] *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về Án treo.

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 13/7/2019, (Được trừ

thời gian đã bị tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến ngày 30/01/2018 của bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 08/5/2018).

2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:

Tịch thu cho tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 652/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ninh; (Tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa Công an thành phố U và Chi cục thi hành án dân sự thành phố U).

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). (Tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, bảng thống kê tiền tang vật ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa Công an thành phố U và Chi cục thi hành án dân sự thành phố U).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Văn Q, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 09 tháng 10 năm 2019.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh
- Viện kiểm sát ND -TP Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà